DANH SÁCH

THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN THAM DỰ VÒNG 2 (VÒNG PHỎNG VẤN) KỲ TUYỂN DỤNG BỔ SUNG VIÊN CHỨC SỰ NGHIỆP HUYỆN MAI SƠN NĂM 2022

Vị trị việc làm: Giáo viên Mầm non hạng III

(Kèm theo Quyết định số 445/QĐ-UBND ngày 15/3/2023 của Chủ tịch UBND huyện Mai Sơn)

Số TT	Họ và tên	Tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Chỗ ở hiện nay			Thông tin đào tạo								Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
			Nam	Nữ		Xã, Phường, TT	Huyện, TP	Tỉnh	Ngày tháng năm cấp văn bằng	Tên trường, cơ sở đào tạo cấp	Trình độ văn bằng	Số hiệu của văn bằng	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngành đào tạo	Hình thức đào tạo	Xếp loại bằng			
I	**Trường Mầm non Hoa Hồng**																		
1	Lò Thanh	Bằng		17/7/2000	Thái	Chiềng Ngần	TP Sơn La	Sơn La	06/5/2022	CĐ Sơn La	Cao đẳng	00012397	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	Chính quy	Khá	Trường Mầm non Hoa Hồng	DTTS	
2	Hà Thị	Hậu		29/8/1995	Thái	Mường Tè	Vân Hồ	Sơn La	23/12/2022	CĐ Vĩnh Phúc	Cao đẳng	CĐ00018389	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	Chính quy	Khá	Trường Mầm non Hoa Hồng	DTTS	
3	Lò Thị	Hương		30/3/1995	Thái	Thị trấn Hát Lót	Mai Sơn	Sơn La	08/6/2018	CĐ Sơn La	Cao đẳng	B955578	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	Chính quy	Trung bình khá	Trường Mầm non Hoa Hồng	DTTS	
4	Đinh Thị	Mến		23/11/2001	Mường	thị trấn Hát Lót	Mai Sơn	Sơn La	11/10/2022	ĐH Tây Bắc	Cao đẳng	TTB.CĐ 000102	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	Chính quy	Trung bình	Trường Mầm non Hoa Hồng	DTTS	
II	**Trường Mầm non Nà Sản**																		
5	Hà Thị	Duyên		19/02/2001	Thái	Chiềng Mung	Mai Sơn	Sơn La	06/5/2022	CĐ Sơn La	Cao đẳng	CĐ 00012403	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	Chính quy	Khá	Trường Mầm non Nà Sản	DTTS	
6	Hoàng Thị Khánh	Huyền		04/02/1998	Thái	Lóng Sập	Mộc Châu	Sơn La	11/9/2020	ĐH Tây Bắc	Đại học	1765686	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	Chính quy	Khá	Trường Mầm non Nà Sản	DTTS	
7	Điêu Thị	Lai		20/12/2001	Thái	Mường Bằng	Mai Sơn	Sơn La	06/5/2022	CĐ Sơn La	Cao đẳng	CĐ 00012411	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	Chính quy	Khá	Trường Mầm non Nà Sản	DTTS	
8	Quàng Thu	Trang		08/7/1997	Thái	Phường Chiềng Cơi	TP Sơn La	Sơn La	08/6/2018	CĐ Sơn La	Cao đẳng	B955554	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	Chính quy	Khá	Trường Mầm non Nà Sản	DTTS	
III	**Trường Mầm non Mường Chanh**																		
9	Vì Thị Hồng	Chiên		01/10/1999	Thái	Phường Chiềng Sinh	TP Sơn La	Sơn La	09/11/2020	CĐ Sơn La	Cao đẳng	00001546	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	Chính quy	Khá	Trường Mầm non Mường Chanh	DTTS	
10	Lò Thị	Duyên		04/4/2001	Thái	Chiềng Pha	Thuận Châu	Sơn La	13/01/2023	ĐH Tây Bắc	Cao đẳng	001605	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	Chính quy	Giỏi	Trường Mầm non Mường Chanh	DTTS	
11	Lò Thị	Linh		11/10/2001	Thái	Pá Ma Pha Khinh	Quỳnh Nhai	Sơn La	06/5/2022	CĐ Sơn La	Cao đẳng	CĐ 00012440	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	Chính quy	Khá	Trường Mầm non Mường Chanh	DTTS	
12	Nguyễn Thị Thu	Nga		17/4/2000	Kinh	Phường Chiềng Sinh	TP Sơn La	Sơn La	18/5/2022	ĐHSP Hà Nội	Đại học	C008959	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	Chính quy	Giỏi	Trường Mầm non Mường Chanh	Không	

Số TT	Họ và tên	Tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Chỗ ở hiện nay			Thông tin đào tạo								Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
			Nam	Nữ		Xã, Phường, TT	Huyện, TP	Tỉnh	Ngày tháng năm cấp văn bằng	Tên trường, cơ sở đào tạo cấp	Trình độ văn bằng	Số hiệu của văn bằng	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngành đào tạo	Hình thức đào tạo	Xếp loại bằng			
13	Hà Thị	Thủy		06/9/2001	Thái	Mường Chanh	Mai Sơn	Sơn La	06/5/2022	CĐ Sơn La	Cao đẳng	CĐ 00012454	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	Chính quy	Giỏi	Trường Mầm non Mường Chanh	DTTS	
14	Cầm Thị	Thủy		25/9/2001	Thái	Chiềng Chung	Mai Sơn	Sơn La	11/10/2022	ĐH Tây Bắc	Cao đẳng	000099	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	Chính quy	Trung bình	Trường Mầm non Mường Chanh	DTTS	
IV	**Trường Mầm non Chiềng Kheo**																		
15	Quàng Thị	Chinh		28/10/2000	Thái	Phường Chiềng Sinh	TP Sơn La	Sơn La	09/02/2022	ĐH Tây Bắc	Đại học	000948	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	Chính quy	Khá	Trường Mầm non Chiềng Kheo	DTTS	
16	Lò Thu	Hà		31/8/2001	Thái	Chiềng Ban	Mai Sơn	Sơn La	06/5/2022	CĐ Sơn La	Cao đẳng	CĐ 00012404	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	Chính quy	Khá	Trường Mầm non Chiềng Kheo	DTTS	
17	Trần Thị	Hảo		27/5/1995	Kinh	Chiềng Ban	Mai Sơn	Sơn La	20/6/2017	ĐH Tây Bắc	Cao đẳng	B649788	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	Chính quy	Khá	Trường Mầm non Chiềng Kheo	Không	
18	Hoàng Thị	Hương		02/8/2000	Thái	Chiềng Mai	Mai Sơn	Sơn La	25/6/2021	CĐ Sơn La	Cao đẳng	CĐ 00007334	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	Chính quy	Giỏi	Trường Mầm non Chiềng Kheo	DTTS	
19	Tòng Thị	Hương		29/10/2000	Thái	Mường Bằng	Mai Sơn	Sơn La	25/6/2021	CĐ Sơn La	Cao đẳng	CĐ 00007335	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	Chính quy	Giỏi	Trường Mầm non Chiềng Kheo	DTTS	
20	Lò Thị Thúy	Nga		01/9/2000	Thái	Chiềng Mai	Mai Sơn	Sơn La	06/5/2022	CĐ Sơn La	Cao đẳng	CĐ 00012417	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	Chính quy	Khá	Trường Mầm non Chiềng Kheo	DTTS	
21	Bùi Lan	Phương		01/11/2001	Kinh	thị trấn Thuận châu	Thuận Châu	Sơn La	15/6/2022	ĐH Tây Bắc	Cao đẳng	TTB.CĐ 000058	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	Chính quy	Khá	Trường Mầm non Chiềng Kheo	Không	
22	Hà Thị	Phương		18/9/2000	Thái	Chiềng Ban	Mai Sơn	Sơn La	09/02/2022	ĐH Tây Bắc	Đại học	000973	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	Chính quy	Khá	Trường Mầm non Chiềng Kheo	DTTS	
23	Tòng Thị	Thắm		11/01/2001	Thái	Sốp Cộp	Sốp Cộp	Sơn La	13/01/2023	ĐH Tây Bắc	Đại học	001632	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	Chính quy	Giỏi	Trường Mầm non Chiềng Kheo	DTTS	
24	Cà Thị Thu	Trang		14/01/2000	Thái	Chiềng An	TP Sơn La	Sơn La	06/5/2022	CĐ Sơn La	Cao đẳng	CĐ 00012458	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	Chính quy	Khá	Trường Mầm non Chiềng Kheo	DTTS	
V	**Trường Mầm non Phiêng Cằm**																		
25	Lèo Thị Hồng	Chang		16/3/2001	Thái	Chiềng Chung	Mai Sơn	Sơn La	06/5/2022	CĐ Sơn La	Cao đẳng	CĐ 00012398	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	Chính quy	Khá	Trường Mầm non Phiêng Cằm	DTTS	
26	Hoàng Thị	Chau		30/8/1989	Thái	Chiềng Ban	Mai Sơn	Sơn La	01/7/2012	CĐ Sơn La	Cao đẳng	A309076	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	Chính quy	Khá	Trường Mầm non Phiêng Cằm	DTTS, CBB	
27	Vàng Thị	Chi		15/7/2001	Mông	Pá Lông	Thuận Châu	Sơn La	06/5/2022	CĐ Sơn La	Cao đẳng	CĐ 00012399	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	Chính quy	Khá	Trường Mầm non Phiêng Cằm	DTTS	

Số TT	Họ và tên	Tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Chỗ ở hiện nay			Thông tin đào tạo								Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
			Nam	Nữ		Xã, Phường, TT	Huyện, TP	Tỉnh	Ngày tháng năm cấp văn bằng	Tên trường, cơ sở đào tạo cấp	Trình độ văn bằng	Số hiệu của văn bằng	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngành đào tạo	Hình thức đào tạo	Xếp loại bằng			
28	Giàng Thị	Chua		02/4/2000	Mông	Pú Bẩu	Sông Mã	Sơn La	06/5/2022	CĐ Sơn La	Cao đẳng	00012400	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	Chính quy	Khá	Trường Mầm non Phiêng Cằm	DTTS	
29	Sộng Thị	Cúc		20/12/1996	Mông	Co Tòng	Thuận Châu	Sơn La	02/6/2017	CĐ Sơn La	Cao đẳng	B833868	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	Chính quy	Khá	Trường Mầm non Phiêng Cằm	DTTS	
30	Vừ Thị	Giàng		19/6/2001	Mông	Pá Lông	Thuận Châu	Sơn La	06/5/2022	CĐ Sơn La	Cao đẳng	CĐ 00012434	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	Chính quy	Khá	Trường Mầm non Phiêng Cằm	DTTS	
31	Hoàng Thị	Hải		16/4/1988	Thái	Phường Chiềng Sinh	TP Sơn La	Sơn La	10/10/2013	ĐH Tây Bắc	Đại học	495870	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	Chính quy	Khá	Trường Mầm non Phiêng Cằm	DTTS	
32	Lò Thị	Hòa		26/11/1999	Thái	Phường Chiềng Sinh	TP Sơn La	Sơn La	09/02/2022	ĐH Tây Bắc	Đại học	000956	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	Chính quy	Giỏi	Trường Mầm non Phiêng Cằm	DTTS	
33	Sồng Thị Pa	La		14/6/2000	Mông	Pá Lông	Thuận Châu	Sơn La	25/6/2021	CĐ Sơn La	Cao đẳng	00007338	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	Chính quy	Khá	Trường Mầm non Phiêng Cằm	DTTS	
34	Vàng Thị Mỹ	Linh		28/6/2001	Mông	Co Mạ	Thuận Châu	Sơn La	06/5/2022	CĐ Sơn La	Cao đẳng	CĐ 00012413	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	Chính quy	Khá	Trường Mầm non Phiêng Cằm	DTTS	
35	Đèo Thị	Linh		17/10/1999	Thái	Chiềng Khoong	Sông Mã	Sơn La	18/10/2021	ĐH Tây Bắc	Đại học	000815	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	Chính quy	Khá	Trường Mầm non Phiêng Cằm	DTTS	
36	Giàng Thị	Nhịa		01/4/1997	Mông	Nà Nghịu	Sông Mã	Sơn La	30/9/2022	CĐSP Trung ương	Cao đẳng	A01661	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	Vừa làm vừa học	Khá	Trường Mầm non Phiêng Cằm	DTTS	
37	Lìa Thị	Páo		26/8/2001	Mông	Chiềng Tương	Yên Châu	Sơn La	06/5/2022	CĐ Sơn La	Cao đẳng	CĐ 00012422	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	Chính quy	Khá	Trường Mầm non Phiêng Cằm	DTTS	
38	Lò Thị	Phương		19/4/2000	Thái	Chiềng Bằng	Quỳnh Nhai	Sơn La	30/6/2021	ĐH Tây Bắc	Cao đẳng	TTB.CĐ 000006	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	Chính quy	Khá	Trường Mầm non Phiêng Cằm	DTTS	
39	Cà Thị	Sương		23/01/2000	Thái	Bản Lầm	Thuận Châu	Sơn La	25/6/2021	CĐ Sơn La	Cao đẳng	CĐ 00007348	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	Chính quy	Khá	Trường Mầm non Phiêng Cằm	DTTS	
40	Lò Thị	Thương		15/8/2001	Thái	Mường Phăng	TP Điện Biên	Điện Biên	13/01/2023	ĐH Tây Bắc	Đại học	001668	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	Chính quy	Xuất sắc	Trường Mầm non Phiêng Cằm	DTTS	
41	Tòng Thị Minh	Thúy		01/12/1999	Thái	Chiềng Cọ	TP Sơn La	Sơn La	13/01/2023	ĐH Tây Bắc	Đại học	001667	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	Chính quy	Xuất sắc	Trường Mầm non Phiêng Cằm	DTTS	
42	Vì Thị	Thủy		09/8/1999	Thái	Phiêng Cằm	Mai Sơn	Sơn La	25/6/2021	CĐ Sơn La	Cao đẳng	CĐ 00007313	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	Chính quy	Khá	Trường Mầm non Phiêng Cằm	DTTS	
43	Lò Thị	Trình		26/3/2001	Thái	Nậm Mằn	Sông Mã	Sơn La	06/5/2022	CĐ Sơn La	Cao đẳng	CĐ 00012426	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	Chính quy	Khá	Trường Mầm non Phiêng Cằm	DTTS	
44	Lò Thị	Xiên		14/5/1990	Thái	thị trấn Hát Lót	Mai Sơn	Sơn La	14/4/2017	ĐH Tây Bắc	Đại học	1515995	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	Vừa làm vừa học	Khá	Trường Mầm non Phiêng Cằm	DTTS	

Số TT	Họ và tên	Tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Chỗ ở hiện nay			Thông tin đào tạo								Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
			Nam	Nữ		Xã, Phường, TT	Huyện, TP	Tỉnh	Ngày tháng năm cấp văn bằng	Tên trường, cơ sở đào tạo cấp	Trình độ văn bằng	Số hiệu của văn bằng	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngành đào tạo	Hình thức đào tạo	Xếp loại bằng			
VI	**Trường Mầm non Cò Nòi 1**																		
45	Nguyễn Thu	Thảo		23/8/2001	Kinh	Cò Nòi	Mai Sơn	Sơn La	08/8/2022	CĐSP Trung ương	Cao đẳng	A00930	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	Chính quy	Giỏi	Trường Mầm non Cò Nòi 1	Không	
VII	**Trường Mầm non Chiềng Chăn**																		
46	Vì Thị	Hà		27/01/2001	Thái	Mường Lầm	Sông Mã	Sơn La	13/01/2023	ĐH Tây Bắc	Đại học	001645	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	Chính quy	Khá	Trường Mầm non Chiềng Chăn	DTTS	
47	Mùi Thị	Hậu		20/02/2998	Mường	Chiềng Sung	Mai Sơn	Sơn La	09/11/2020	CĐ Sơn La	Cao đẳng	CĐ 00001578	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	Chính quy	Khá	Trường Mầm non Chiềng Chăn	DTTS	
48	Vì Thị Kiều	Trang		26/10/2001	Lào	Sốp Cộp	Sốp Cộp	Sơn La	11/10/2022	ĐH Tây Bắc	Cao đẳng	TTBCĐ 000101	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	Chính quy	Trung bình	Trường Mầm non Chiềng Chăn	DTTS	
49	Cà Thị	Xuân		18/12/2000	Thái	Chiềng Ly	Thuận Châu	Sơn La	25/6/2021	CĐ Sơn La	Cao đẳng	CĐ 00007354	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	Chính quy	Khá	Trường Mầm non Chiềng Chăn	DTTS	
VIII	**Trường Mầm non Nà Bó**																		
50	Tòng Thị	Chuyên		19/5/1999	Thái	Chiềng Ngần	TP Sơn La	Sơn La	09/11/2020	CĐ Sơn La	Cao đẳng	CĐ 00001572	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	Chính quy	Khá	Trường Mầm non Nà Bó	DTTS	
51	Tếnh Thị	Día		02/5/2000	Mông	Chiềng Tương	Yên Châu	Sơn La	25/6/2021	CĐ Sơn La	Cao đẳng	CĐ 00007329	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	Chính quy	Khá	Trường Mầm non Nà Bó	DTTS	
52	Vì Thị	Dinh		14/12/1992	Thái	Phường Chiềng Sinh	TP Sơn La	Sơn La	26/8/2022	CĐSP Trung ương	Cao đẳng	A01432	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	Liên thông	Khá	Trường Mầm non Nà Bó	DTTS	
53	Nguyễn Thúy	Hằng		01/4/1999	Kinh	Nà Bó	Mai Sơn	Sơn La	11/10/2022	ĐH Tây Bắc	Đại học	001568	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	Chính quy	Trung bình	Trường Mầm non Nà Bó	Không	
54	Lò Thị	Khuyên		25/5/1999	Thái	Phường Chiềng Sinh	TP Sơn La	Sơn La	09/11/2020	CĐ Sơn La	Cao đẳng	CĐ 00001580	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	Chính quy	Khá	Trường Mầm non Nà Bó	DTTS	
55	Hoàng Thị	Mừng		20/8/2001	Thái	Sặp Vạt	Yên Châu	Sơn La	13/01/2023	ĐH Tây Bắc	Đại học	001621	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	Chính quy	Khá	Trường Mầm non Nà Bó	DTTS	
56	Cầm Phương	Nhi		01/11/2001	Thái	Phường Chiềng Sinh	TP Sơn La	Sơn La	06/5/2022	CĐ Sơn La	Cao đẳng	CĐ 00012447	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	Chính quy	Giỏi	Trường Mầm non Nà Bó	DTTS	
57	Lò Thị	Thảo		09/01/2000	Thái	xã Hát Lót	Mai Sơn	Sơn La	30/6/2021	ĐH Tây Bắc	Cao đẳng	TTBCĐ 000007	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	Chính quy	Khá	Trường Mầm non Nà Bó	DTTS	
58	Cà Thị	Thủy		19/8/1998	Thái	Phường Chiềng Sinh	TP Sơn La	Sơn La	11/9/2020	ĐH Tây Bắc	Đại học	1765735	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	Chính quy	Khá	Trường Mầm non Nà Bó	DTTS	

Số TT	Họ và tên	Tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Chỗ ở hiện nay			Thông tin đào tạo								Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
			Nam	Nữ		Xã, Phường, TT	Huyện, TP	Tỉnh	Ngày tháng năm cấp văn bằng	Tên trường, cơ sở đào tạo cấp	Trình độ văn bằng	Số hiệu của văn bằng	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngành đào tạo	Hình thức đào tạo	Xếp loại bằng			
59	Cà Thị	Thủy		11/02/2001	Thái	Thanh Luông	Điện Biên	Điện Biên	13/01/2023	ĐH Tây Bắc	Đại học	001633	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	Chính quy	Khá	Trường Mầm non Nà Bó	DTTS	
IX	**Trường Mầm non Chiềng Lương**																		
60	Lò Thị	Hiền		13/10/2000	Thái	Chiềng Lương	Mai Sơn	Sơn La	15/6/2022	ĐH Tây Bắc	Cao đẳng	000054	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	Chính quy	Khá	Trường Mầm non Chiềng Lương	DTTS	
X	**Trường Mầm non Phiêng Pằn**																		
61	Lò Thị	Duyên		10/8/2001	Thái	Bó Sinh	Sông Mã	Sơn La	06/5/2022	CĐ Sơn La	Cao đẳng	CĐ 00012433	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	Chính quy	Khá	Trường Mầm non Phiêng Pằn	DTTS	
62	Hà Thị Thu	Hậu		27/6/2001	Thái	Cò Nòi	Mai Sơn	Sơn La	13/01/2023	ĐH Tây Bắc	Đại học	001646	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	Chính quy	Khá	Trường Mầm non Phiêng Pằn	DTTS	
63	Lò Thị	Hoài		24/02/2001	Thái	Chiềng Ngàm	Thuận Châu	Sơn La	06/5/2022	CĐ Sơn La	Cao đẳng	CĐ 00012436	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	Chính quy	Khá	Trường Mầm non Phiêng Pằn	DTTS	
64	Hà Thị Thu	Huyền		26/8/2000	Thái	Phường Chiềng Sinh	TP Sơn La	Sơn La	18/5/2022	ĐHSP Hà Nội	Đại học	C008948	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	Chính quy	Khá	Trường Mầm non Phiêng Pằn	DTTS	
65	Điêu Thị	Kiều		02/3/2000	Thái	Mường Bằng	Mai Sơn	Sơn La	25/6/2021	CĐ Sơn La	Cao đẳng	CĐ 00007337	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	Chính quy	Giỏi	Trường Mầm non Phiêng Pằn	DTTS	
66	Cà Thị	Uyên		21/01/2000	Thái	Thị trấn Nông trường	Mộc Châu	Sơn La	25/6/2021	CĐ Sơn La	Cao đẳng	CĐ 00007318	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	Chính quy	Khá	Trường Mầm non Phiêng Pằn	DTTS	

DANH SÁCH

THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN THAM DỰ VÒNG 2 (VÒNG PHỎNG VẤN) KỲ TUYỂN DỤNG BỔ SUNG VIÊN CHỨC SỰ NGHIỆP HUYỆN MAI SƠN NĂM 2022

Vị trị việc làm: Giáo viên Tiểu học hạng III (Văn hóa Tiểu học)

(Kèm theo Quyết định số 445/QĐ-UBND ngày 15/3/2023 của Chủ tịch UBND huyện Mai Sơn)

Số TT	Họ và tên	Tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Chỗ ở hiện nay			Thông tin đào tạo								Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
			Nam	Nữ		Xã, Phường, TT	Huyện, TP	Tỉnh	Ngày tháng năm cấp văn bằng	Tên trường, cơ sở đào tạo cấp	Trình độ văn bằng	Số hiệu của văn bằng	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngành đào tạo	Hình thức đào tạo	Xếp loại bằng			
I	**Trường Tiểu học Phiêng Cằm 2**																		
1	Giàng Hoàng	Anh	27/3/1999		Mông	Phiêng Cằm	Mai Sơn	Sơn La	30/6/2021	ĐH Tây Bắc	Đại học	000656	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học	Chính quy	Khá	Trường Tiểu học Phiêng Cằm 2	DTTS	
2	Nguyễn Mai	Anh		05/12/1993	Kinh	Mường Hung	Sông Mã	Sơn La	03/02/2023	ĐH Vinh	Đại học	00056725	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học	Vừa làm vừa học	Khá	Trường Tiểu học Phiêng Cằm 2	Không	
3	Phàn Thị	Cải		27/5/1998	Dao	Song Pe	Bắc Yên	Sơn La	03/02/2023	ĐH Vinh	Đại học	00056609	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học	Vừa làm vừa học	Khá	Trường Tiểu học Phiêng Cằm 2	DTTS	
4	Giàng Thị	Chía		16/12/1997	Mông	Huổi Một	Sông Mã	Sơn La	10/06/2019	ĐH Tây Bắc	Đại học	1765080	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học	Chính quy	Khá	Trường Tiểu học Phiêng Cằm 2	DTTS	
5	Vì Văn	Cường	29/3/1993		Thái	Mường Và	Sốp Cộp	Sơn La	20/02/2023	ĐH Tây Bắc	Đại học	001754	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học	Chính quy	Khá	Trường Tiểu học Phiêng Cằm 2	DTTS	
6	Lường Văn	Đại	28/10/2001		Thái	Chiềng Phung	Sông Mã	Sơn La	13/01/2023	ĐH Tây Bắc	Đại học	001722	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học	Chính quy	Khá	Trường Tiểu học Phiêng Cằm 2	DTTS	
7	Vàng Thị	Dia		07/3/1997	Mông	Phỏng Lái	Thuận Châu	Sơn La	03/02/2023	ĐH Vinh	Đại học	00056616	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học	Vừa làm vừa học	Khá	Trường Tiểu học Phiêng Cằm 2	DTTS	
8	Cà Thị	Diện		10/01/2001	Thái	Chiềng Ngần	TP Sơn La	Sơn La	13/01/2023	ĐH Tây Bắc	Đại học	001683	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học	Chính quy	Khá	Trường Tiểu học Phiêng Cằm 2	DTTS	
9	Tếnh Thị	Dúa		28/02/1998	Mông	Chiềng On	Yên Châu	Sơn La	17/5/2021	ĐH Tây Bắc	Đại học	000519	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học	Chính quy	Khá	Trường Tiểu học Phiêng Cằm 2	DTTS	
10	Hà Văn	Dương	14/12/2000		Thái	Chiềng Kheo	Mai Sơn	Sơn La	19/9/2022	ĐHSP Hà Nội 2	Đại học	B008316	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học	Chính quy	Giỏi	Trường Tiểu học Phiêng Cằm 2	DTTS	
11	Lò Văn	Duy	20/8/1998		Thái	Chiềng Sơ	Sông Mã	Sơn La	28/9/2021	ĐH Tây Bắc	Đại học	000785	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học	Chính quy	Khá	Trường Tiểu học Phiêng Cằm 2	DTTS	
12	Lê Minh	Hải	23/11/1992		Thái	Quang Huy	Phù Yên	Sơn La	03/02/2023	ĐH Vinh	Đại học	00056626	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học	Chính quy	Khá	Trường Tiểu học Phiêng Cằm 2	DTTS	
13	Lừ Thị	Hạnh		25/7/1999	Thái	Chiềng Ban	Mai Sơn	Sơn La	08/02/2021	ĐH Tây Bắc	Đại học	000088	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học	Chính quy	Khá	Trường Tiểu học Phiêng Cằm 2	DTTS	
14	Đèo Thị	Hậu		13/3/2000	Thái	Mường Hung	Sông Mã	Sơn La	09/02/2022	ĐH Tây Bắc	Đại học	001002	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học	Chính quy	Khá	Trường Tiểu học Phiêng Cằm 2	DTTS	
15	Đinh Văn	Hiệp	26/6/1994		Thái	Huy Tân	Phù Yên	Sơn La	03/02/2023	ĐH Vinh	Đại học	00056632	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học	Vừa làm vừa học	Khá	Trường Tiểu học Phiêng Cằm 2	DTTS	

Số TT	Họ và tên	Tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Chỗ ở hiện nay			Thông tin đào tạo								Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
			Nam	Nữ		Xã, Phường, TT	Huyện, TP	Tỉnh	Ngày tháng năm cấp văn bằng	Tên trường, cơ sở đào tạo cấp	Trình độ văn bằng	Số hiệu của văn bằng	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngành đào tạo	Hình thức đào tạo	Xếp loại bằng			
16	Lò Thị Minh	Hoài		15/10/2000	Thái	Mường Cai	Sông Mã	Sơn La	09/02/2022	ĐH Tây Bắc	Đại học	001038	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học	Chính quy	Khá	Trường Tiểu học Phiêng Cằm 2	DTTS	
17	Cà Thị	Huệ		08/9/1992	Thái	Chiềng Khoong	Sông Mã	Sơn La	21/6/2016	ĐH Tây Bắc	Đại học	1078956	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học	Chính quy	Khá	Trường Tiểu học Phiêng Cằm 2	DTTS	
18	Lèo Thị	Huệ		24/7/1998	Thái	Hua La	TP Sơn La	Sơn La	09/02/2022	ĐH Tây Bắc	Đại học	001073	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học	Chính quy	Khá	Trường Tiểu học Phiêng Cằm 2	DTTS	
19	Tòng Văn	Hưng	09/01/1993		Thái	Púng Bánh	Sốp Cộp	Sơn La	28/9/2022	ĐH Hồng Đức	Đại học	001562	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học	Vừa làm vừa học	Giỏi	Trường Tiểu học Phiêng Cằm 2	DTTS	
20	Lò Văn	Khoa	13/6/1999		Thái	Phường Chiềng Sinh	TP Sơn La	Sơn La	30/12/2022	ĐH Hải Phòng	Đại học	THPB/009618	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học	Vừa làm vừa học	Khá	Trường Tiểu học Phiêng Cằm 2	DTTS	
21	Lò Thị	Khoa		07/11/1999	Thái	Chiềng En	Sông Mã	Sơn La	08/02/2021	ĐH Tây Bắc	Đại học	000093	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học	Chính quy	Khá	Trường Tiểu học Phiêng Cằm 2	DTTS	
22	Lò Thị Mỹ	Lâm		31/8/1999	Thái	Chiềng Cơi	TP Sơn La	Sơn La	08/02/2021	ĐH Tây Bắc	Đại học	000152	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học	Chính quy	Khá	Trường Tiểu học Phiêng Cằm 2	DTTS	
23	Nguyễn Văn	Lộc	04/8/1997		Kinh	Chiềng Khương	Sông Mã	Sơn La	22/6/2021	ĐH Hải Phòng	Đại học	A016144	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học	Chuyên tu	Khá	Trường Tiểu học Phiêng Cằm 2	Không	
24	Lường Văn	Lương	10/8/1998		Thái	Chiềng Cang	Sông Mã	Sơn La	30/12/2022	ĐH Hải Phòng	Đại học	THPB/009623	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học	Vừa làm vừa học	Khá	Trường Tiểu học Phiêng Cằm 2	DTTS	
25	Vàng Thị	Máy		09/11/1996	Mông	Chiềng Chăn	Mai Sơn	Sơn La	20/02/2023	ĐH Tây Bắc	Đại học	001764	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học	Chính quy	Khá	Trường Tiểu học Phiêng Cằm 2	DTTS	
26	Vì Văn	Nam	06/02/2000		Thái	Nà Ớt	Mai Sơn	Sơn La	20/02/2023	ĐH Tây Bắc	Đại học	001765	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học	Chính quy	Khá	Trường Tiểu học Phiêng Cằm 2	DTTS	
27	Lò Thị	Nghệ		22/8/1999	Thái	Nậm Nằm	Sông Mã	Sơn La	17/5/2021	ĐH Tây Bắc	Đại học	000521	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học	Chính quy	Khá	Trường Tiểu học Phiêng Cằm 2	DTTS	
28	Cầm Văn	Nghĩa	25/9/2000		Thái	Bản Lầm	Thuận Châu	Sơn La	20/02/2023	ĐH Tây Bắc	Đại học	001767	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học	Chính quy	Khá	Trường Tiểu học Phiêng Cằm 2	DTTS	
29	Ngô Thị Bích	Ngọc		03/4/2000	Kinh	Phường Quyết Thắng	TP Sơn La	Sơn La	20/02/2023	ĐH Tây Bắc	Đại học	001750	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học	Chính quy	Giỏi	Trường Tiểu học Phiêng Cằm 2	Không	
30	Hà Thị	Nhâm		20/7/2000	Thái	Đứa Mòn	Sông Mã	Sơn La	09/02/2022	ĐH Tây Bắc	Đại học	001017	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học	Chính quy	Khá	Trường Tiểu học Phiêng Cằm 2	DTTS	
31	Quàng Văn	Nhật	09/6/1995		Thái	Púng Bánh	Sốp Cộp	Sơn La	09/02/2022	ĐH Tây Bắc	Đại học	001091	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học	Chính quy	Khá	Trường Tiểu học Phiêng Cằm 2	DTTS	
32	Hoàng Thị Vân	Oanh		01/12/2001	Thái	Chiềng Kheo	Mai Sơn	Sơn La	13/01/2023	ĐH Tây Bắc	Đại học	001731	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học	Chính quy	Xuất sắc	Trường Tiểu học Phiêng Cằm 2	DTTS	
33	Vàng Thị	Quyết		02/5/2001	Mông	Long Hẹ	Thuận Châu	Sơn La	13/01/2023	ĐH Tây Bắc	Đại học	001700	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học	Chính quy	Giỏi	Trường Tiểu học Phiêng Cằm 2	DTTS	

Số TT	Họ và tên	Tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Chỗ ở hiện nay			Thông tin đào tạo								Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
			Nam	Nữ		Xã, Phường, TT	Huyện, TP	Tỉnh	Ngày tháng năm cấp văn bằng	Tên trường, cơ sở đào tạo cấp	Trình độ văn bằng	Số hiệu của văn bằng	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngành đào tạo	Hình thức đào tạo	Xếp loại bằng			
34	Lò Văn	Son	20/8/1996		Thái	Chiềng Ngàm	Thuận Châu	Sơn La	03/02/2023	ĐH Vinh	Đại học	00056683	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học	Vừa làm vừa học	Khá	Trường Tiểu học Phiêng Cằm 2	DTTS	
35	Vừ Thị	Sua		16/3/1996	Mông	Long Hẹ	Thuận Châu	Sơn La	03/02/2023	ĐH Vinh	Đại học	00056684	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học	Vừa làm vừa học	Khá	Trường Tiểu học Phiêng Cằm 2	DTTS	
36	Cà Thị	Thanh		16/6/2000	Thái	Đứa Mòn	Sông Mã	Sơn La	20/02/2023	ĐH Tây Bắc	Đại học	001771	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học	Chính quy	Khá	Trường Tiểu học Phiêng Cằm 2	DTTS	
37	Hà Văn Tiến	Thành	06/02/1997		Thái	Mường Chanh	Mai Sơn	Sơn La	03/02/2023	ĐH Vinh	Đại học	00056688	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học	Vừa làm vừa học	Khá	Trường Tiểu học Phiêng Cằm 2	DTTS	
38	Tòng Thị	Thảo		12/02/1996	Thái	Mường Sai	Sông Mã	Sơn La	03/02/2023	ĐH Vinh	Đại học	00056692	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học	Vừa làm vừa học	Khá	Trường Tiểu học Phiêng Cằm 2	DTTS	
39	Quàng Văn	Thiện	20/3/1991		Thái	Púng Bánh	Sốp Cộp	Sơn La	06/01/2017	ĐH Tây Bắc	Đại học	1325995	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học	Chính quy	Khá	Trường Tiểu học Phiêng Cằm 2	DTTS	
40	Lò Thị	Thu		12/10/2000	Thái	Đứa Mòn	Sông Mã	Sơn La	09/02/2022	ĐH Tây Bắc	Đại học	001023	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học	Chính quy	Giỏi	Trường Tiểu học Phiêng Cằm 2	DTTS	
41	Quàng Thị	Thư		14/6/1999	Thái	Chiềng Sơ	Sông Mã	Sơn La	30/12/2022	ĐH Hải Phòng	Đại học	009638	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học	Vừa làm vừa học	Khá	Trường Tiểu học Phiêng Cằm 2	DTTS	
42	Lò Thị	Thùy		17/8/2001	Thái	Chiềng Mai	Mai Sơn	Sơn La	13/01/2023	ĐH Tây Bắc	Đại học	001707	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học	Chính quy	Giỏi	Trường Tiểu học Phiêng Cằm 2	DTTS	
43	Lèo Thị	Trang		10/4/1999	Thái	Nậm Mằn	Sông Mã	Sơn La	30/12/2022	ĐH Hải Phòng	Đại học	THPB/009647	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học	Vừa làm vừa học	Khá	Trường Tiểu học Phiêng Cằm 2	DTTS	
44	Quàng Thị Kiều	Trang		31/8/2000	Thái	Chiềng Sơ	Sông Mã	Sơn La	09/02/2022	ĐH Tây Bắc	Đại học	001064	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học	Chính quy	Giỏi	Trường Tiểu học Phiêng Cằm 2	DTTS	
45	Lò Văn	Trung	11/4/2000		Thái	Tà Hộc	Mai Sơn	Sơn La	09/02/2022	ĐH Tây Bắc	Đại học	001028	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học	Chính quy	Khá	Trường Tiểu học Phiêng Cằm 2	DTTS	
46	Lò Văn	Tuấn	10/12/1999		Thái	Chiềng Phung	Sông Mã	Sơn La	08/02/2021	ĐH Tây Bắc	Đại học	000130	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học	Chính quy	Khá	Trường Tiểu học Phiêng Cằm 2	DTTS	
47	Lò Văn	Tươi	07/8/2001		Thái	Cò Nòi	Mai Sơn	Sơn La	13/01/2023	ĐH Tây Bắc	Đại học	001711	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học	Chính quy	Khá	Trường Tiểu học Phiêng Cằm 2	DTTS	
48	Lèo Thị Thúy	Vân		04/12/1999	Thái	Chiềng Ban	Mai Sơn	Sơn La	09/02/2022	ĐH Tây Bắc	Đại học	000938	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học	Chính quy	Khá	Trường Tiểu học Phiêng Cằm 2	DTTS	
49	Sộng Thị	Xía		30/01/1999	Mông	Mường Cai	Sông Mã	Sơn La	20/02/2023	ĐH Tây Bắc	Đại học	001776	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học	Chính quy	Khá	Trường Tiểu học Phiêng Cằm 2	DTTS	
50	Lò Thị	Xinh		07/4/2001	Lào	Mường Và	Sốp Cộp	Sơn La	13/01/2023	ĐH Tây Bắc	Đại học	001742	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học	Chính quy	Khá	Trường Tiểu học Phiêng Cằm 2	DTTS	
51	Hờ Thị	Xuân		24/6/1994	Mông	Hang Chú	Bắc Yên	Sơn La	03/02/2023	ĐH Vinh	Đại học	ĐHV/C 0056720	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học	Vừa làm vừa học	Khá	Trường Tiểu học Phiêng Cằm 2	DTTS	

Số TT	Họ và tên	Tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Chỗ ở hiện nay			Thông tin đào tạo								Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
			Nam	Nữ		Xã, Phường, TT	Huyện, TP	Tỉnh	Ngày tháng năm cấp văn bằng	Tên trường, cơ sở đào tạo cấp	Trình độ văn bằng	Số hiệu của văn bằng	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngành đào tạo	Hình thức đào tạo	Xếp loại bằng			
II	**Trường Tiểu học Cò Nòi**																		
52	Quàng Thị Tú	Anh		03/6/2001	Thái	Chiềng Đông	Yên Châu	Sơn La	13/01/2023	ĐH Tây Bắc	Đại học	001716	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học	Chính quy	Khá	Trường Tiểu học Cò Nòi	DTTS	
53	Hà Văn	Châm	04/9/1997		Thái	Quang Huy	Phù Yên	Sơn La	10/6/2019	ĐH Tây Bắc	Đại học	1765130	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học	Chính quy	Khá	Trường Tiểu học Cò Nòi	DTTS	
54	Đinh Thị	Diệp		25/12/1999	Mường	Song Pe	Bắc Yên	Sơn La	19/5/2022	ĐHSP Hà Nội 2	Đại học	006627	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học	Chính quy	Giỏi	Trường Tiểu học Cò Nòi	DTTS	
55	Trịnh Thị Nhật	Hằng		19/02/1999	Kinh	thị trấn Hát Lót	Mai Sơn	Sơn La	20/02/2023	ĐH Tây Bắc	Đại học	001760	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học	Chính quy	Giỏi	Trường Tiểu học Cò Nòi	Không	
56	Lò Thị	Hồng		04/5/1998	Thái	Chiềng Ban	Mai Sơn	Sơn La	11/9/2020	ĐH Tây Bắc	Đại học	1765761	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học	Chính quy	Giỏi	Trường Tiểu học Cò Nòi	DTTS	
57	Cà Thị	Hương		29/12/1999	Thái	Phường Chiềng An	TP Sơn La	Sơn La	30/12/2022	ĐH Hải Phòng	Đại học	THPB/009685	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học	Vừa học vừa làm	Khá	Trường Tiểu học Cò Nòi	DTTS	
58	Lường Khánh	Linh		03/02/2000	Thái	Chiềng Mung	Mai Sơn	Sơn La	09/2/2022	ĐH Tây Bắc	Đại học	001008	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học	Chính quy	Khá	Trường Tiểu học Cò Nòi	DTTS	
59	Lê Khánh	Ly		07/9/2001	Kinh	thị trấn Hát Lót	Mai Sơn	Sơn La	13/01/2023	ĐH Tây Bắc	Đại học	001730	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học	Chính quy	Giỏi	Trường Tiểu học Cò Nòi	Không	
60	Nguyễn Thị Phương	Mai		09/11/1999	Kinh	Chiềng Mung	Mai Sơn	Sơn La	08/02/2021	ĐH Tây Bắc	Đại học	000106	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học	Chính quy	Khá	Trường Tiểu học Cò Nòi	Không	
61	Bùi Thanh	Sơn	14/11/2000		Mường	Bình Sơn	Kim Bôi	Hòa Bình	13/01/2023	ĐH Tây Bắc	Đại học	001733	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học	Chính quy	Xuất sắc	Trường Tiểu học Cò Nòi	DTTS	
62	Đỗ Thị Thu	Thảo		13/4/2001	Kinh	Cò Nòi	Mai Sơn	Sơn La	13/01/2023	ĐH Tây Bắc	Đại học	001702	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học	Chính quy	Khá	Trường Tiểu học Cò Nòi	Không	
63	Quàng Thị Huyền	Trang		13/3/1996	Thái	Phường Chiềng Sinh	TP Sơn La	Sơn La	10/6/2019	ĐH Tây Bắc	Đại học	1765124	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học	Chính quy	Khá	Trường Tiểu học Cò Nòi	DTTS	
64	Lò Thu	Trang		05/10/1998	Thái	Phường Tô Hiệu	TP Sơn La	Sơn La	09/02/2022	ĐH Tây Bắc	Đại học	001103	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học	Chính quy	Giỏi	Trường Tiểu học Cò Nòi	DTTS	
65	Lường Thị Thu	Trang		02/5/1998	Thái	Chiềng Pấc	Thuận Châu	Sơn La	21/02/2020	ĐH Tây Bắc	Đại học	1765515	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học	Chính quy	Khá	Trường Tiểu học Cò Nòi	DTTS	
III	**Trường Tiểu học thị trấn Hát Lót**																		
66	Tòng Thị	Linh		12/3/2001	Thái	Sốp Cộp	Sốp Cộp	Sơn La	13/01/2023	ĐH Tây Bắc	Đại học	001689	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học	Chính quy	Xuất sắc	Trường Tiểu học thị trấn Hát Lót	DTTS	
67	Lê Văn	Thành	25/01/2001		Kinh	thị trấn Hát Lót	Mai Sơn	Sơn La	13/01/2023	ĐH Tây Bắc	Đại học	001734	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học	Chính quy	Giỏi	Trường Tiểu học thị trấn Hát Lót	Không	

Số TT	Họ và tên	Tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Chỗ ở hiện nay			Thông tin đào tạo								Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
			Nam	Nữ		Xã, Phường, TT	Huyện, TP	Tỉnh	Ngày tháng năm cấp văn bằng	Tên trường, cơ sở đào tạo cấp	Trình độ văn bằng	Số hiệu của văn bằng	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngành đào tạo	Hình thức đào tạo	Xếp loại bằng			
68	Hoàng Thị	Thảo		18/8/1999	Thái	xã Hát Lót	Mai Sơn	Sơn La	17/5/2021	ĐH Tây Bắc	Đại học	001734	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học	Chính quy	Khá	Trường Tiểu học thị trấn Hát Lót	DTTS	
IV	**Trường Tiểu học Chiềng Nơi**																		
69	Cầm Thị Ngọc	Bích		20/6/2001	Thái	Chiềng Chung	Mai Sơn	Sơn La	13/01/2023	ĐH Tây Bắc	Đại học	001718	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học	Chính quy	Giỏi	Trường Tiểu học Chiềng Nơi	DTTS	
70	Lò Thị	Cúc		07/10/1999	Thái	Mường Lèo	Sốp Cộp	Sơn La	20/02/2023	ĐH Tây Bắc	Đại học	001753	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học	Chính quy	Khá	Trường Tiểu học Chiềng Nơi	DTTS	
71	Lường Văn	Cương	30/03/1993		Thái	Nậm Ty	Sông Mã	Sơn La	03/9/2022	ĐH Hải Phòng	Đại học	THPB/005653	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học	Chính quy	Khá	Trường Tiểu học Chiềng Nơi	DTTS	
72	Mùi Trung	Hiếu	04/5/1995		Mường	Đá Đỏ	Phù Yên	Sơn La	08/02/2023	ĐH Vinh	Đại học	2023/QĐ192-12	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học	Vừa làm vừa học	Khá	Trường Tiểu học Chiềng Nơi	DTTS	
73	Lò Chính	Lý	05/10/2000		Thái	Chiềng Nơi	Mai Sơn	Sơn La	04/8/2022	ĐH Tây Bắc	Đại học	001555	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học	Chính quy	Trung bình	Trường Tiểu học Chiềng Nơi	DTTS	
74	Lò Thị	Ngoan		30/5/2001	Thái	Mường Chanh	Mai Sơn	Sơn La	13/01/2023	ĐH Tây Bắc	Đại học	001691	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học	Chính quy	Giỏi	Trường Tiểu học Chiềng Nơi	DTTS	
75	Cầm Thị	Nguyệt		18/02/2000	Thái	Chiềng Chung	Mai Sơn	Sơn La	09/02/2022	ĐH Tây Bắc	Đại học	001016	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học	Chính quy	Khá	Trường Tiểu học Chiềng Nơi	DTTS	
76	Lò Thị	Nguyệt		07/04/1996	Thái	Mường Chanh	Mai Sơn	Sơn La	03/02/2023	ĐH Vinh	Đại học	00056668	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học	Vừa làm vừa học	Khá	Trường Tiểu học Chiềng Nơi	DTTS	
77	Lường Thị	Phương		26/6/1996	Thái	Nậm Lầu	Thuận Châu	Sơn La	03/02/2023	ĐH Vinh	Đại học	ĐHV/C00056678	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học	Vừa làm vừa học	Khá	Trường Tiểu học Chiềng Nơi	DTTS	
78	Ly Bả Dinh	Pó	14/02/1995		Mông	Mường Hung	Sông Mã	Sơn La	23/5/2017	ĐH Tây Bắc	Đại học	1326134	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học	Chính quy	Khá	Trường Tiểu học Chiềng Nơi	DTTS	
79	Quàng Văn	Sa	26/8/1994		Lào	Mường Và	Sốp Cộp	Sơn La	06/01/2017	ĐH Tây Bắc	Đại học	1325993	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học	Chính quy	Giỏi	Trường Tiểu học Chiềng Nơi	DTTS	
80	Lò Văn	Thuận	13/4/2001		Thái	Chiềng Sơ	Sông Mã	Sơn La	13/01/2023	ĐH Tây Bắc	Đại học	001736	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học	Chính quy	Trung bình	Trường Tiểu học Chiềng Nơi	DTTS	
81	Hoàng Thị	Thủy		12/12/2001	Thái	Chiềng Xôm	TP Sơn La	Sơn La	20/02/2023	ĐH Tây Bắc	Đại học	001749	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học	Chính quy	Khá	Trường Tiểu học Chiềng Nơi	DTTS	
82	Sồng A	Tộng	01/5/1996		Mông	Chiềng Nơi	Mai Sơn	Sơn La	22/8/2019	ĐH Tây Bắc	Đại học	1765418	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học	Chính quy	Trung bình	Trường Tiểu học Chiềng Nơi	DTTS	
V	**Trường TH-THCS Chiềng Sung**																		
83	Lò Thị	Châu		30/4/1999	Thái	Cà Nàng	Quỳnh Nhai	Sơn La	08/02/2021	ĐH Tây Bắc	Đại học	000081	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học	Chính quy	Khá	Trường TH-THCS Chiềng Sung	DTTS	

Số TT	Họ và tên	Tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Chỗ ở hiện nay			Thông tin đào tạo								Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
			Nam	Nữ		Xã, Phường, TT	Huyện, TP	Tỉnh	Ngày tháng năm cấp văn bằng	Tên trường, cơ sở đào tạo cấp	Trình độ văn bằng	Số hiệu của văn bằng	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngành đào tạo	Hình thức đào tạo	Xếp loại bằng			
84	Đinh Thị Mai	Chi		07/12/2000	Mường	thị trấn Phù Yên	Phù Yên	Sơn La	19/5/2022	ĐHSP Hà Nội 2	Đại học	B006621	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học	Chính quy	Giỏi	Trường TH-THCS Chiềng Sung	DTTS	
85	Lò Thị Kim	Duyên		08/01/2000	Thái	Chiềng Pha	Thuận Châu	Sơn La	09/02/2022	ĐH Tây Bắc	Đại học	000994	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học	Chính quy	Khá	Trường TH-THCS Chiềng Sung	DTTS	
86	Hoàng Thị	Gấm		10/9/1999	Thái	Phiêng Ban	Bắc Yên	Sơn La	09/02/2022	ĐH Tây Bắc	Đại học	000997	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học	Chính quy	Giỏi	Trường TH-THCS Chiềng Sung	DTTS	
87	Hà Đức	Huy	23/3/1990		Mường	Huy Bắc	Phù Yên	Sơn La	14/4/2017	ĐH Tây Bắc	Đại học	1516027	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học	Vừa làm vừa học	Khá	Trường TH-THCS Chiềng Sung	DTTS	
88	Lò Thị	Linh		03/02/1998	Thái	Mường Bon	Mai Sơn	Sơn La	10/9/2020	ĐH Tây Bắc	Đại học	1765787	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học	Chính quy	Khá	Trường TH-THCS Chiềng Sung	DTTS	
89	Lường Thị	Nghiệp		12/10/1993	Thái	Chiềng Chung	Mai Sơn	Sơn La	21/6/2016	ĐH Tây Bắc	Đại học	1325308	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học	Chính quy	Khá	Trường TH-THCS Chiềng Sung	DTTS	
90	Lò Thị	Nhật		02/6/1999	Thái	Pá Ma Pha Khinh	Quỳnh Nhai	Sơn La	08/02/2021	ĐH Tây Bắc	Đại học	000167	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học	Chính quy	Khá	Trường TH-THCS Chiềng Sung	DTTS	
91	Quàng Thị Hồng	Nhung		28/11/1998	Thái	Phường Chiềng Cơi	TP Sơn La	Sơn La	03/02/2023	ĐH Vinh	Đại học	00056673	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học	Chính quy	Khá	Trường TH-THCS Chiềng Sung	DTTS	
92	Giàng Thị	Pà		16/12/1999	Mông	Suối Bau	Phù Yên	Sơn La	08/6/2022	ĐHSP Thái Nguyên	Đại học	DTS/CN/15 329	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học	Chính quy	Khá	Trường TH-THCS Chiềng Sung	DTTS	
93	Lò Văn	Thành	01/4/1993		Thái	Mận Ty	Sông Mã	Sơn La	20/02/2023	ĐH Tây Bắc	Đại học	001772	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học	Chính quy	Khá	Trường TH-THCS Chiềng Sung	DTTS	
94	Nguyễn Thị	Thủy		21/02/2001	Kinh	Chiềng Sung	Mai Sơn	Sơn La	13/01/2023	ĐH Tây Bắc	Đại học	001737	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học	Chính quy	Giỏi	Trường TH-THCS Chiềng Sung	Không	
95	Lò Thị	Tươi		22/11/1993	Thái	Nậm Mằn	Sông Mã	Sơn La	21/6/2016	ĐH Tây Bắc	Đại học	1325321	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học	Chính quy	Khá	Trường TH-THCS Chiềng Sung	DTTS	
96	Lò Thị	Vân		26/10/1999	Thái	Chiềng Lao	Mường La	Sơn La	20/02/2023	ĐH Tây Bắc	Đại học	001775	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học	Chính quy	Xuất sắc	Trường TH-THCS Chiềng Sung	DTTS	
VI	**Trường TH-THCS Tô Hiệu**																		
97	Lò Thị	Hợp		24/8/1999	Thái	Chiềng Lương	Mai Sơn	Sơn La	08/02/2021	ĐH Tây Bắc	Đại học	000091	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học	Chính quy	Khá	Trường TH-THCS Tô Hiệu	DTTS	
98	Hà Thị	Kiều		10/10/1998	Thái	Mường Chanh	Mai Sơn	Sơn La	21/02/2020	ĐH Tây Bắc	Đại học	1765483	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học	Chính quy	Giỏi	Trường TH-THCS Tô Hiệu	DTTS	
99	Trần Thị	Linh		04/01/2000	Kinh	Chiềng Khoong	Sông Mã	Sơn La	09/02/2022	ĐH Tây Bắc	Đại học	001042	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học	Chính quy	Khá	Trường TH-THCS Tô Hiệu	Không	
100	Đỗ Thị	Ngọc		26/6/2000	Thái	thị trấn Hát Lót	Mai Sơn	Sơn La	13/01/2023	ĐH Tây Bắc	Đại học	001692	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học	Chính quy	Khá	Trường TH-THCS Tô Hiệu	DTTS	

Số TT	Họ và tên	Tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Chỗ ở hiện nay			Thông tin đào tạo								Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
			Nam	Nữ		Xã, Phường, TT	Huyện, TP	Tỉnh	Ngày tháng năm cấp văn bằng	Tên trường, cơ sở đào tạo cấp	Trình độ văn bằng	Số hiệu của văn bằng	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngành đào tạo	Hình thức đào tạo	Xếp loại bằng			
101	Lò Thị	Quỳnh		27/01/2000	Thái	Chiềng Sàng	Yên Châu	Sơn La	09/02/2022	ĐH Tây Bắc	Đại học	001054	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học	Chính quy	Giỏi	Trường TH-THCS Tô Hiệu	DTTS	
102	Lường Diệu	Vy		12/9/2001	Thái	Phường Chiềng Cơi	TP Sơn La	Sơn La	13/01/2023	ĐH Tây Bắc	Đại học	001741	Giáo dục tiểu học	Giáo dục tiểu học	Chính quy	Khá	Trường TH-THCS Tô Hiệu	DTTS	

DANH SÁCH

THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN THAM DỰ VÒNG 2 (VÒNG PHỎNG VẤN) KỲ TUYỂN DỤNG BỔ SUNG VIÊN CHỨC SỰ NGHIỆP HUYỆN MAI SƠN NĂM 2022

Vị trị việc làm: Giáo viên tiểu học hạng III (môn Tiếng Anh)

(Kèm theo Quyết định số 445/QĐ-UBND ngày 15/3/2023 của Chủ tịch UBND huyện Mai Sơn)

Số TT	Họ và tên	Tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Chỗ ở hiện nay			Thông tin đào tạo								Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
			Nam	Nữ		Xã, Phường, TT	Huyện, TP	Tỉnh	Ngày tháng năm cấp văn bằng	Tên trường, cơ sở đào tạo cấp	Trình độ văn bằng	Số hiệu của văn bằng	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngành đào tạo	Hình thức đào tạo	Xếp loại bằng			
I	**Trường TH-THCS Tô Hiệu**																		
1	Trần Hồng	Nhung		27/11/2000	Kinh	Tông Lệnh	Thuận Châu	Sơn La	04/4/2022	ĐH Tây Bắc	Đại học	001116	SP Tiếng Anh	SP Tiếng Anh	Chính quy	Trung bình	Trường TH-THCS Tô Hiệu	Không	
II	**Trường TH-THCS Mường Bằng**																		
2	Hoàng Thúy	Hà		22/7/1990	Thái	Phường Chiềng Sinh	TP Sơn La	Sơn La	08/6/2012	ĐH Tây Bắc	Đại học	208608	SP Tiếng Anh	SP Tiếng Anh	Chính quy	Trung bình khá	Trường TH-THCS Mường Bằng	DTTS	
3	Vũ Thị Hồng	Hạnh		02/11/1992	Kinh	thị trấn Hát Lót	Mai Sơn	Sơn La	23/6/2015	ĐH Tây Bắc	Đại học	1076762	SP Tiếng Anh	SP Tiếng Anh	Chính quy	Khá	Trường TH-THCS Mường Bằng	Không	

DANH SÁCH
THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN THAM DỰ VÒNG 2 (VÒNG PHỎNG VẤN) KỲ TUYỂN DỤNG BỔ SUNG VIÊN CHỨC SỰ NGHIỆP HUYỆN MAI SƠN NĂM 2022
Vị trị việc làm: Giáo viên tiểu học hạng III (môn Thể dục)
(Kèm theo Quyết định số 445/QĐ-UBND ngày 15/3/2023 của Chủ tịch UBND huyện Mai Sơn)

Số TT	Họ và tên	Tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Chỗ ở hiện nay			Thông tin đào tạo								Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
			Nam	Nữ		Xã, Phường, TT	Huyện, TP	Tỉnh	Ngày tháng năm cấp văn bằng	Tên trường, cơ sở đào tạo cấp	Trình độ văn bằng	Số hiệu của văn bằng	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngành đào tạo	Hình thức đào tạo	Xếp loại bằng			
1	Giàng A	Dạy	02/9/1988		Mông	Chiềng Sung	Mai Sơn	Sơn La	01/7/2013	ĐHSP TDTT Hà Nội	Đại học	521783	Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất	Chính quy	Khá	Trường Tiểu học Chiềng Nơi	DTTS	
2	Vàng A	Dơ	03/10/1994		Mông	Nong Lay	Thuận Châu	Sơn La	19/9/2016	ĐH Tây Bắc	Đại học	1325897	Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất	Chính quy	Trung bình	Trường Tiểu học Chiềng Nơi	DTTS	
3	Thào A	Dơ	17/8/1990		Mông	Mường Chùm	Mường La	Sơn La	18/6/2014	ĐH Tây Bắc	Đại học	758000	Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất	Chính quy	Khá	Trường Tiểu học Chiềng Nơi	DTTS	
4	Lò Văn	Hùng	24/12/1993		Lào	Mường Và	Sốp Cộp	Sơn La	23/6/2015	ĐH Tây Bắc	Đại học	1077208	Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất	Chính quy	Khá	Trường Tiểu học Chiềng Nơi	DTTS	
5	Lò Văn	Sinh	20/6/1995		Thái	Yên Hưng	Sông Mã	Sơn La	04/9/2018	ĐH Tây Bắc	Đại học	1647807	Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất	Chính quy	Khá	Trường Tiểu học Chiềng Nơi	DTTS	
6	Mùa A	Sềnh	15/7/1993		Mông	Co Mạ	Thuận Châu	Sơn La	13/9/2017	ĐH Tây Bắc	Đại học	1515389	Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất	Chính quy	Khá	Trường Tiểu học Chiềng Nơi	DTTS	

DANH SÁCH

THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN THAM DỰ VÒNG 2 (VÒNG PHỎNG VẤN) KỲ TUYỂN DỤNG BỔ SUNG VIÊN CHỨC SỰ NGHIỆP HUYỆN MAI SƠN NĂM 2022

Vị trị việc làm: Giáo viên Tiểu học hạng III (môn Tin học)

(Kèm theo Quyết định số 445/QĐ-UBND ngày 15/3/2023 của Chủ tịch UBND huyện Mai Sơn)

Số TT	Họ và tên	Tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Chỗ ở hiện nay			Thông tin đào tạo								Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
			Nam	Nữ		Xã, Phường, TT	Huyện, TP	Tỉnh	Ngày tháng năm cấp văn bằng	Tên trường, cơ sở đào tạo cấp	Trình độ văn bằng	Số hiệu của văn bằng	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngành đào tạo	Hình thức đào tạo	Xếp loại bằng			
1	Tòng Thị	Kiên		12/01/1994	Thái	Chiềng Mai	Mai Sơn	Sơn La	24/01/2022	ĐHSP Thái Nguyên	Đại học	DTS/CN/ 11982	SP Tin học	SP Tin học	Vừa làm vừa học	Giỏi	Trường TH-THCS Chiềng Ve	DTTS	

DANH SÁCH

THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN THAM DỰ VÒNG 2 (VÒNG PHỎNG VẤN) KỲ TUYỂN DỤNG BỔ SUNG VIÊN CHỨC SỰ NGHIỆP HUYỆN MAI SƠN NĂM 2022

Vị trí việc làm: Giáo viên THCS hạng III (môn Sinh học)

(Kèm theo Quyết định số 445/QĐ-UBND ngày 15/3/2023 của Chủ tịch UBND huyện Mai Sơn)

Số TT	Họ và tên	Tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Chỗ ở hiện nay			Thông tin đào tạo								Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
			Nam	Nữ		Xã, Phường, TT	Huyện, TP	Tỉnh	Ngày tháng năm cấp văn bằng	Tên trường, cơ sở đào tạo cấp	Trình độ văn bằng	Số hiệu của văn bằng	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngành đào tạo	Hình thức đào tạo	Xếp loại bằng			
I	**Trường Trung học cơ sở Chất Lượng Cao**																		
1	Bùi Văn	Mong	06/5/1990		Mường	Phú Thành	Lạc Thủy	Hòa Bình	24/01/2019	ĐH Tây Bắc	Thạc sĩ	A210292	Sinh học thực nghiệm	Sinh học	Chính quy		Trường THCS Chất Lượng Cao	DTTS	Bằng ĐH chuyên ngành SP Sinh học
2	Ngô Thanh	Thủy		02/03/1989	Kinh	Phường Chiềng Sinh	TP Sơn La	Sơn La	23/5/2012	ĐHSP Hà Nội	Đại học	195700	SP Sinh học	SP Sinh học	SP Sinh học	Trung bình khá	Trường THCS Chất Lượng Cao	Không	
II	**Trường PTDTBT TH-THCS Phiêng Cằm**																		
3	Sùng Bả	Nênh	10/4/1994		Mông	Pú Bẩu	Sông Mã	Sơn La	07/7/2017	ĐH Tây Bắc	Đại học	1515211	SP Sinh học	SP Sinh học	Chính quy	Khá	Trường PTDTBT TH-THCS Phiêng Cằm	DTTS	
4	Lường Văn	Nhất	27/4/1989		Thái	Tông Lạnh	Thuận Châu	Sơn La	20/6/2011	ĐH Tây Bắc	Đại học	00323285	SP Sinh - Hóa	SP Sinh - Hóa	Chính quy	Khá	Trường PTDTBT TH-THCS Phiêng Cằm	DTTS	
5	Giàng A	Tống	12/3/1990		Mông	Mường Bon	Mai Sơn	Sơn La	11/10/2018	ĐH Tây Bắc	Đại học	1648501	SP Sinh học	SP Sinh học	Vừa làm vừa học	Khá	Trường PTDTBT TH-THCS Phiêng Cằm	DTTS	
6	Cầm Thị Hồng	Vân		04/8/1992	Thái	Nà Ớt	Mai Sơn	Sơn La	23/6/2015	ĐH Tây Bắc	Đại học	1077172	SP Sinh - Hóa	SP Sinh - Hóa	Chính quy	Khá	Trường PTDTBT TH-THCS Phiêng Cằm	DTTS	

DANH SÁCH

THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN THAM DỰ VÒNG 2 (VÒNG PHỎNG VẤN) KỲ TUYỂN DỤNG BỔ SUNG VIÊN CHỨC SỰ NGHIỆP HUYỆN MAI SƠN NĂM 2022

Vị trí việc làm: Giáo viên THCS hạng III (môn Lịch Sử)

(Kèm theo Quyết định số 445/QĐ-UBND ngày 15/3/2023 của Chủ tịch UBND huyện Mai Sơn)

Số TT	Họ và tên	Tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Chỗ ở hiện nay			Thông tin đào tạo								Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
			Nam	Nữ		Xã, Phường, TT	Huyện, TP	Tỉnh	Ngày tháng năm cấp văn bằng	Tên trường, cơ sở đào tạo cấp	Trình độ văn bằng	Số hiệu của văn bằng	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngành đào tạo	Hình thức đào tạo	Xếp loại bằng			
I	**Trường THCS Chất Lượng Cao**																		
1	Lường Văn	Tuấn	02/4/1988		Thái	Chiềng Pấc	Thuận Châu	Sơn La	20/6/2011	ĐH Tây Bắc	Đại học	00323336	SP Sử - Địa	SP Sử - Địa	Chính quy	Khá	Trường THCS Chất Lượng Cao	DTTS	
2	Trần Thị	Vân		15/02/1993	Kinh	Thị trấn Hát Lót	Mai Sơn	Sơn La	15/9/2015	ĐH Tây Bắc	Đại học	1077942	SP Sử - Địa	SP Sử - Địa	Chính quy	Khá	Trường THCS Chất Lượng Cao	Không	
II	**Trường TH-THCS Mường Chanh**																		
3	Cà Văn	Áo	25/4/1994		Thái	Mường Lạn	Sốp Cộp	Sơn La	10/6/2019	ĐH Tây Bắc	Đại học	1648098	SP Lịch sử	SP Lịch sử	Chính quy	Khá	Trường TH-THCS Mường Chanh	DTTS	
4	Đinh Văn	Nghị	25/6/1991		Mường	Gia Phù	Phù Yên	Sơn La	18/6/2014	ĐH Tây Bắc	Đại học	758232	SP Lịch sử	SP Lịch sử	Chính quy	Giỏi	Trường TH-THCS Mường Chanh	DTTS	
5	Đinh Văn	Quýnh	13/8/1995		Mường	Huy Thượng	Phù Yên	Sơn La	08/6/2018	ĐHSP, ĐH Thái Nguyên	Đại học	0052191	SP Lịch sử	SP Lịch sử	Chính quy	Giỏi	Trường TH-THCS Mường Chanh	DTTS	
6	Đinh Thị	Quỳnh		21/02/1996	Mường	Phiêng Cằm	Mai Sơn	Sơn La	19/6/2018	ĐH Tây Bắc	Đại học	1647456	SP Lịch sử	SP Lịch sử	Chính quy	Khá	Trường TH-THCS Mường Chanh	DTTS	
7	Sùng Thị	Xuân		13/8/1999	Mông	Mường Bằng	Mai Sơn	Sơn La	21/5/2021	ĐHSP Hà Nội	Đại học	C007314	SP Lịch sử	SP Lịch sử	Chính quy	Giỏi	Trường TH-THCS Mường Chanh	DTTS	
III	**Trường TH-THCS Chiềng Sung**																		
8	Đào Thị	Lan		17/12/1996	Kinh	Chiềng Mung	Mai Sơn	Sơn La	16/9/2020	ĐHSP Hà Nội 2	Đại học	B001040	SP Lịch sử	SP Lịch sử	Chính quy	Khá	Trường TH-THCS Chiềng Sung	Không	
9	Lò Thị	Thắm		08/8/2000	Thái	Thôm Mòn	Thuận Châu	Sơn La	18/8/2022	ĐHQG Hà Nội	Đại học	QC172967	SP Lịch sử	SP Lịch sử	Chính quy	Khá	Trường TH-THCS Chiềng Sung	DTTS	

DANH SÁCH
THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN THAM DỰ VÒNG 2 (VÒNG PHỎNG VẤN) KỲ TUYỂN DỤNG BỔ SUNG VIÊN CHỨC SỰ NGHIỆP HUYỆN MAI SƠN NĂM 2022
Vị trị việc làm: Giáo viên THCS hạng III (môn Địa lí)
(Kèm theo Quyết định số 445/QĐ-UBND ngày 15/3/2023 của Chủ tịch UBND huyện Mai Sơn)

Số TT	Họ và tên	Tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Chỗ ở hiện nay			Thông tin đào tạo								Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
			Nam	Nữ		Xã, Phường, TT	Huyện, TP	Tỉnh	Ngày tháng năm cấp văn bằng	Tên trường, cơ sở đào tạo cấp	Trình độ văn bằng	Số hiệu của văn bằng	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngành đào tạo	Hình thức đào tạo	Xếp loại bằng			
I	**Trường Trung học cơ sở 19/5**																		
1	Hồ Minh	Đức	08/12/1999		Kinh	xã Hát Lót	Mai Sơn	Sơn La	23/11/2022	ĐH Tây Bắc	Đại học	001585	SP Địa lí	SP Địa lí	Chính quy	Khá	Trường THCS 19/5	Không	
2	Lường Văn	Nguyện	12/01/1993		Dáy	thị trấn Hát Lót	Mai Sơn	Sơn La	23/06/2015	ĐH Tây Bắc	Đại học	1076955	SP Địa lí	SP Địa lí	Chính quy	Khá	Trường THCS 19/5	DTTS	
II	**Trường PTDTBT TH-THCS Phiêng Cằm**																		
3	Vừ Bả	Chảnh	01/4/1998		Mông	Pú Bẩu	Sông Mã	Sơn La	11/9/2020	ĐH Tây Bắc	Đại học	1826842	SP Địa lí	SP Địa lí	Chính quy	Khá	Trường PTDTBT TH-THCS Phiêng Cằm	DTTS	
4	Lò Thị Thúy	Hà		02/02/1997	Thái	Lạc Hồng	Văn Lâm	Hưng Yên	16/8/2019	ĐH Tây Bắc	Đại học	1765389	SP Địa lí	SP Địa lí	Chính quy	Khá	Trường PTDTBT TH-THCS Phiêng Cằm	DTTS	
5	Cầm Thị	Hương		01/10/1993	Thái	Chiềng Sơ	Sông Mã	Sơn La	23/6/2015	ĐH Tây Bắc	Đại học	1076940	SP Địa lí	SP Địa lí	Chính quy	Giỏi	Trường PTDTBT TH-THCS Phiêng Cằm	DTTS	
6	Đèo Thị	Linh		21/12/1998	Thái	Chiềng Cang	Sông Mã	Sơn La	11/9/2020	ĐH Tây Bắc	Đại học	1826844	SP Địa lí	SP Địa lí	Chính quy	Khá	Trường PTDTBT TH-THCS Phiêng Cằm	DTTS	
7	Và A	Thánh	04/9/1996		Mông	Co Tòng	Thuận Châu	Sơn La	10/6/2019	ĐH Tây Bắc	Đại học	1648083	SP Địa lí	SP Địa lí	Chính quy	Trung bình	Trường PTDTBT TH-THCS Phiêng Cằm	DTTS	
8	Trần Thị Hồng	Trang		02/9/1996	Kinh	thị trấn Hát Lót	Mai Sơn	Sơn La	19/6/2018	ĐH Tây Bắc	Đại học	1647493	SP Địa lí	SP Địa lí	Chính quy	Khá	Trường PTDTBT TH-THCS Phiêng Cằm	Không	
9	Hoàng Thị	Vân		18/9/1997	Thái	Chiềng Pằn	Yên Châu	Sơn La	11/9/2020	ĐH Tây Bắc	Đại học	1826853	SP Địa lí	SP Địa lí	Chính quy	Khá	Trường PTDTBT TH-THCS Phiêng Cằm	DTTS	
10	Cà Thị	Xinh		06/7/1994	Thái	Phường Chiềng Sinh	TP Sơn La	Sơn La	21/6/2016	ĐH Tây Bắc	Đại học	1078767	SP Địa lí	SP Địa lí	Chính quy	Khá	Trường PTDTBT TH-THCS Phiêng Cằm	DTTS	

DANH SÁCH

THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN THAM DỰ VÒNG 2 (VÒNG PHỎNG VẤN) KỲ TUYỂN DỤNG BỔ SUNG VIÊN CHỨC SỰ NGHIỆP HUYỆN MAI SƠN NĂM 2022

Vị trị việc làm: Giáo viên THCS hạng III (môn Toán học)

(Kèm theo Quyết định số 445/QĐ-UBND ngày 15/3/2023 của Chủ tịch UBND huyện Mai Sơn)

Số TT	Họ và tên	Tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Chỗ ở hiện nay			Thông tin đào tạo								Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
			Nam	Nữ		Xã, Phường, TT	Huyện, TP	Tỉnh	Ngày tháng năm cấp văn bằng	Tên trường, cơ sở đào tạo cấp	Trình độ văn bằng	Số hiệu của văn bằng	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngành đào tạo	Hình thức đào tạo	Xếp loại bằng			
I	**Trường THCS Chất Lượng Cao**																		
1	Lê Thị Kim	Oanh		02/9/1995	Kinh	thị trấn Hát Lót	Mai Sơn	Sơn La	20/6/2017	ĐH Tây Bắc	Đại học	1515105	SP Toán học	SP Toán học	Chính quy	Giỏi	Trường THCS Chất Lượng Cao	Không	
2	Đoàn Văn	Xuyến	12/9/1988		Kinh	Nam Giang	Nam Trực	Nam Định	03/02/2023	ĐH Hải Phòng	Đại học	THP.B/010 168	SP Toán học	SP Toán học	Vừa làm vừa học	Giỏi	Trường THCS Chất Lượng Cao	Không	
II	**Trường TH-THCS Chiềng Lương**																		
3	Hà Tuấn	Nam	12/12/1999		Tày	Trung Thành	Đà Bắc	Hòa Bình	30/6/2021	ĐH Tây Bắc	Đại học	000720	SP Toán học	SP Toán học	Chính quy	Xuất sắc	Trường TH-THCS Chiềng Lương	DTTS	

DANH SÁCH

THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN THAM DỰ VÒNG 2 (VÒNG PHỎNG VẤN) KỲ TUYỂN DỤNG BỔ SUNG VIÊN CHỨC SỰ NGHIỆP HUYỆN MAI SƠN NĂM 2022

Vị trị việc làm: Giáo viên THCS hạng III (môn Ngữ Văn)

(Kèm theo Quyết định số 445/QĐ-UBND ngày 15/3/2023 của Chủ tịch UBND huyện Mai Sơn)

Số TT	Họ và tên	Tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Chỗ ở hiện nay			Thông tin đào tạo								Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
			Nam	Nữ		Xã, Phường, TT	Huyện, TP	Tỉnh	Ngày tháng năm cấp văn bằng	Tên trường, cơ sở đào tạo cấp	Trình độ văn bằng	Số hiệu của văn bằng	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngành đào tạo	Hình thức đào tạo	Xếp loại bằng			
I	**Trường TH-THCS Nà Ban**																		
1	Lưu Thanh	Thùy		16/11/1988	Kinh	Phường Tô Hiệu	TP Sơn La	Sơn La	20/6/2011	ĐH Tây Bắc	Đại học	00323559	SP Văn - GĐCD	SP Văn - GĐCD	Chính quy	Khá	TH-THCS Nà Ban	Không	
2	Đinh Thu	Trang		06/10/1994	Kinh	Phường Chiềng Lề	TP Sơn La	Sơn La	19/9/2016	ĐH Tây Bắc	Đại học	1325940	SP Ngữ Văn	SP Ngữ Văn	Chính quy	Khá	TH-THCS Nà Ban	Không	
II	**Trường TH-THCS Chiềng Lương**																		
3	Lường Thị	Lâm		10/10/1994	Thái	Cò Nòi	Mai Sơn	Sơn La	20/6/2017	ĐH Tây Bắc	Đại học	1514756	SP Ngữ Văn	SP Ngữ Văn	Chính quy	Khá	Trường TH-THCS Chiềng Lương	DTTS	
4	Lò Thị	Miên		24/11/1997	Thái	Sập Xa	Phù Yên	Sơn La	11/9/2020	ĐH Tây Bắc	Đại học	1826874	SP Ngữ Văn	SP Ngữ Văn	Chính quy	Khá	Trường TH-THCS Chiềng Lương	DTTS	
5	Phùng Thị	Oanh		26/6/1994	Kinh	Hua Păng	Mộc Châu	Sơn La	21/6/2016	ĐH Tây Bắc	Đại học	1325660	SP Ngữ Văn	SP Ngữ Văn	Chính quy	Khá	Trường TH-THCS Chiềng Lương	Không	

DANH SÁCH

THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN THAM DỰ VÒNG 2 (VÒNG PHỎNG VẤN) KỲ TUYỂN DỤNG BỔ SUNG VIÊN CHỨC SỰ NGHIỆP HUYỆN MAI SƠN NĂM 2022

Vị trị việc làm: Giáo viên THCS hạng III (môn Hóa học)

(Kèm theo Quyết định số 445/QĐ-UBND ngày 15/3/2023 của Chủ tịch UBND huyện Mai Sơn)

Số TT	Họ và tên	Tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Chỗ ở hiện nay			Thông tin đào tạo								Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
			Nam	Nữ		Xã, Phường, TT	Huyện, TP	Tỉnh	Ngày tháng năm cấp văn bằng	Tên trường, cơ sở đào tạo cấp	Trình độ văn bằng	Số hiệu của văn bằng	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngành đào tạo	Hình thức đào tạo	Xếp loại bằng			
1	Lạc Thị Tâm	Anh		22/4/1995	Tày	Phường Quyết Thắng	TP Sơn La	Sơn La	20/6/2017	ĐH Tây Bắc	Đại học	1514803	SP Hóa học	SP Hóa học	Chính quy	Khá	Trường PTDTBT TH-THCS Phiêng Cằm	DTTS	
2	Trần	Cường	16/11/1989		Kinh	thị trấn Hát Lót	Mai Sơn	Sơn La	04/9/2014	ĐHSP-ĐH Thái Nguyên	Đại học	0016872	SP Hóa học	SP Hóa học	Chính quy	Trung bình	Trường PTDTBT TH-THCS Phiêng Cằm	Không	
3	Vì Thị	Hiền		07/10/1992	Thái	Nậm Mằn	Sông Mã	Sơn La	21/6/2016	ĐH Tây Bắc	Đại học	1078779	SP Hóa học	SP Hóa học	Chính quy	Khá	Trường PTDTBT TH-THCS Phiêng Cằm	DTTS	
4	Hà Thị Thu	Hiền		06/6/1984	Kinh	Phường Chiềng Sinh	TP Sơn La	Sơn La	22/6/2021	ĐH Tây Bắc	Đại học	A0081912	SP Hóa học	SP Hóa học	Chuyên tu	Khá	Trường PTDTBT TH-THCS Phiêng Cằm	Không	
5	Vì Thị	Ngọc		30/9/1995	Thái	xã Hát Lót	Mai Sơn	Sơn La	19/6/2018	ĐH Tây Bắc	Đại học	1647503	SP Hóa học	SP Hóa học	Chính quy	Trung bình	Trường PTDTBT TH-THCS Phiêng Cằm	DTTS	
6	Và A	Thành	19/9/1995		Mông	Phiêng Cằm	Mai Sơn	Sơn La	04/9/2018	ĐH Tây Bắc	Đại học	1647828	SP Hóa học	SP Hóa học	Chính quy	Khá	Trường PTDTBT TH-THCS Phiêng Cằm	DTTS	

DANH SÁCH

THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN THAM DỰ VÒNG 2 (VÒNG PHỎNG VẤN) KỲ TUYỂN DỤNG BỔ SUNG VIÊN CHỨC SỰ NGHIỆP HUYỆN MAI SƠN NĂM 2022

Vị trị việc làm: Giáo viên THCS hạng III (môn Thể dục)

(Kèm theo Quyết định số 445/QĐ-UBND ngày 15/3/2023 của Chủ tịch UBND huyện Mai Sơn)

Số TT	Họ và tên	Tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Chỗ ở hiện nay			Thông tin đào tạo								Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
			Nam	Nữ		Xã, Phường, TT	Huyện, TP	Tỉnh	Ngày tháng năm cấp văn bằng	Tên trường, cơ sở đào tạo cấp	Trình độ văn bằng	Số hiệu của văn bằng	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngành đào tạo	Hình thức đào tạo	Xếp loại bằng			
I	**Trường TH-THCS Chiềng Chung**																		
1	Lò Văn	Đức	25/7/1992		Thái	Pá Ma Kha Khinh	Quỳnh Nhai	Sơn La	18/6/2014	ĐH Tây Bắc	Đại học	758003	Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất	Chính quy	Khá	Trường TH-THCS Chiềng Chung	DTTS	
2	Lê Trung	Hiếu	10/8/1994		Kinh	Phường Chiềng Lề	TP Sơn La	Sơn La	24/6/2016	ĐHSP TDTT Hà Nội	Đại học	1390308	Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất	Chính quy	Khá	Trường TH-THCS Chiềng Chung	Không	
3	Đèo Đức	Hùng	23/02/1999		Thái	Hua La	TP Sơn La	Sơn La	11/10/2022	ĐH Tây Bắc	Đại học	001572	Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất	Chính quy	Trung bình	Trường TH-THCS Chiềng Chung	DTTS	
II	**Trường TH-THCS Mường Bằng**																		
4	Giàng Ca	Danh	06/8/1992		Mông	Huổi Một	Sông Mã	Sơn La	21/6/2018	ĐHSPTDTT Hà Nội	Đại học	1666100	Thể dục thể thao	Giáo dục thể chất	Chính quy	Khá	Trường TH-THCS Mường Bằng	DTTS	
5	Tòng Văn	Pháư	16/3/1989		Thái	Mường Bon	Mai Sơn	Sơn La	01/7/2013	ĐHSPTDTT Hà Nội	Đại học	521774	Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất	Chính quy	Trung bình khá	Trường TH-THCS Mường Bằng	DTTS	
6	Tòng Văn	Phiên	05/4/1991		Thái	Yên Hưng	Sông Mã	Sơn La	23/6/2015	ĐH Tây Bắc	Đại học	1077266	Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất	Chính quy	Khá	Trường TH-THCS Mường Bằng	DTTS	
7	Vàng A	Tủa	10/11/1995		Mông	Long Hẹ	Thuận Châu	Sơn La	20/6/2017	ĐH Tây Bắc	Đại học	1514959	Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất	Chính quy	Khá	Trường TH-THCS Mường Bằng	DTTS	
8	Trần Anh	Tuấn	20/10/1993		Kinh	Nà Bó	Mai Sơn	Sơn La	20/6/2017	ĐH Tây Bắc	Đại học	1514946	Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất	Chính quy	Trung bình	Trường TH-THCS Mường Bằng	Không	
III	**Trường TH-THCS Hoàng Văn Thụ**																		
9	Lò Quyền	Linh	01/8/1999		Thái	Tông Lạnh	Thuận Châu	Sơn La	09/02/2022	ĐH Tây Bắc	Đại học	000935	Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất	Chính quy	Khá	Trường TH-THCS Hoàng Văn Thụ	DTTS	
10	Phan Minh	Thành	10/12/1989		Kinh	Phường Tô Hiệu	TP Sơn La	Sơn La	13/5/2013	ĐH Tây Bắc	Đại học	096542	Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất	Chính quy	Khá	Trường TH-THCS Hoàng Văn Thụ	Không	

DANH SÁCH

THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN THAM DỰ VÒNG 2 (VÒNG PHỎNG VẤN) KỲ TUYỂN DỤNG BỔ SUNG VIÊN CHỨC SỰ NGHIỆP HUYỆN MAI SƠN NĂM 2022

Vị trị việc làm: Kế toán viên

(Kèm theo Quyết định số 445/QĐ-UBND ngày 15/3/2023 của Chủ tịch UBND huyện Mai Sơn)

Số TT	Họ và tên	Tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Chỗ ở hiện nay			Thông tin đào tạo								Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
			Nam	Nữ		Xã, Phường, TT	Huyện, TP	Tỉnh	Ngày tháng năm cấp văn bằng	Tên trường, cơ sở đào tạo cấp	Trình độ văn bằng	Số hiệu của văn bằng	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngành đào tạo	Hình thức đào tạo	Xếp loại bằng			
I	**Trường TH-THCS Mường Bằng**																		
1	Lê Hồng	Ánh		17/8/1996	Thái	Phường Chiềng Sinh	TP Sơn La	Sơn La	21/5/2019	ĐH Thương Mai	Đại học	1812871	Kế toán doanh nghiệp	Kế toán	Chính quy	Khá	Trường TH-THCS Mường Bằng	DTTS	
2	Nguyễn Thị Quỳnh	Hương		28/02/1986	Kinh	thị trấn Hát Lót	Mai Sơn	Sơn La	02/10/2013	ĐH Tây Bắc	Đại học	495631	Kế toán	Kế toán	Vừa làm vừa học	Khá	Trường TH-THCS Mường Bằng	Không	
3	Đinh Thị Hồng	Mến		16/6/1990	Mường	thị trấn Bắc Yên	Bắc Yên	Sơn La	30/7/2012	Học viện ĐH mở Hà Nội	Đại học	206467	Kế toán	Kế toán	Chính quy	Khá	Trường TH-THCS Mường Bằng	DTTS	
4	Nguyễn Thị	Nhung		30/8/1989	Kinh	thị trấn Hát Lót	Mai Sơn	Sơn La	26/6/2022	ĐH Kinh doanh và công nghệ Hà Nội	Đại học	031115	Kế toán - Kiểm toán	Kế toán	Vừa làm vừa học	Khá	Trường TH-THCS Mường Bằng	Không	
5	Nguyễn Thị Phương	Thảo		11/2/1999	Kinh	Cò Nòi	Mai Sơn	Sơn La	30/6/2021	ĐH Tây Bắc	Đại học	000581	Kế toán	Kế toán	Chính quy	Trung bình	Trường TH-THCS Mường Bằng	Không	
6	Trần Thảo	Trang		15/9/1997	Kinh	thị trấn Hát Lót	Mai Sơn	Sơn La	18/6/2020	ĐH Công đoàn	Đại học	000647	Tài chính - Ngân hàng (TCDN)	Tài chính - Ngân hàng	Chính quy	Khá	Trường TH-THCS Mường Bằng	Không	
7	Nguyễn Hải	Yến		26/9/1990	Kinh	Phường Chiềng Sinh	TP Sơn La	Sơn La	08/01/2016	ĐH Kinh doanh và công nghệ Hà Nội	Đại học	1190330	Kế toán - Kiểm toán	Kế toán - Kiểm toán	Vừa làm vừa học	Khá	Trường TH-THCS Mường Bằng	Không	
II	**Trường TH-THCS Chiềng Sung**																		
8	Mùa A	Giàng		26/11/2000	Mông	Hua Nhàn	Bắc Yên	Sơn La	04/8/2022	ĐH Tây Bắc	Đại học	001550	Kế toán	Kế toán	Chính quy	Trung bình	Trường TH-THCS Chiềng Sung	DTTS	
9	Dương Thị	Lan		03/02/1990	Kinh	Chiềng Sung	Mai Sơn	Sơn La	27/4/2015	ĐH Kinh tế quốc dân	Đại học	1116789	Kế toán tổng hợp	Kế toán	Chính quy	Khá	Trường TH-THCS Chiềng Sung	Không	
10	Lù Thị Mai	Trang		15/3/1993	Thái	thị trấn Hát Lót	Mai Sơn	Sơn La	28/6/2016	ĐH Kinh doanh và công nghệ Hà Nội	Đại học	1190499	Kế toán - Kiểm toán	Kế toán - Kiểm toán	Vừa làm vừa học	Khá	Trường TH-THCS Chiềng Sung	DTTS	

DANH SÁCH

THÍ SINH KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN THAM DỰ VÒNG 2 (VÒNG PHỎNG VẤN) KỲ TUYỂN DỤNG BỔ SUNG VIÊN CHỨC SỰ NGHIỆP HUYỆN MAI SƠN NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 445/QĐ-UBND ngày 15/3/2023 của Chủ tịch UBND huyện Mai Sơn)

Số TT	Họ và tên	Tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Chỗ ở hiện nay			Thông tin đào tạo								Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
			Nam	Nữ		Xã, Phường, TT	Huyện, TP	Tỉnh	Ngày tháng năm cấp văn bằng	Tên trường, cơ sở đào tạo cấp	Trình độ văn bằng	Số hiệu của văn bằng	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngành đào tạo	Hình thức đào tạo	Xếp loại bằng			
	Giáo viên Tiểu học môn Tin học																		
1	Mùa A	Lừ		10/7/1998	Mông	Hua Nhà	Bắc Yên	Sơn La	30/6/2021	ĐH Tây Bắc	Đại học	000543	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	Chính quy	Trung bình	Trường Tiểu học Chiềng Nơi	DTTS	Có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên Đại học, Cao đẳng nhưng không có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên Tiểu học theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành
2	Trần Thị	Kiểm		04/3/1990	Kinh	Phường Quyết Tâm	TP Sơn La	Sơn La	15/6/2013	ĐH Tây Bắc	Đại học	184168	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	Chính quy	Khá	TH-THCS Chiềng Ban	Không	Có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm cho các trường THCS nhưng không có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên Tiểu học theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành
	Giáo viên Tiểu học môn Tiếng Anh																		
3	Lò Thị Thu	Hằng		01/12/1993	Thái	xã Chiềng Xôm	TP Sơn La	Sơn La	12/6/2015	ĐH Hà Nội	Đại học	140061	Ngôn ngữ Anh	Ngôn ngữ Anh	Chính quy	Khá	Trường TH-THCS Mường Bằng	DTTS	Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm nhưng không có chứng chỉ có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên Tiểu học theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành